

Bản án số: 133/2017/HSST
Ngày 31/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Bá Toàn
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông Lương Văn Vịnh
Ông Lò Văn Chung
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*
Bà Hoàng Thị Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Sông Mã.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:*
Ông Dương Văn Nam - Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 116/2017/HSST ngày 24 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Quàng Văn P1 - Sinh năm 1985; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Bản N, xã C, huyện M, Sơn La; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 9/12; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Quàng Văn H, con bà Vi Thị B, hiện trú tại bản H, xã C, huyện M, Sơn La; Bố nuôi Quàng Văn C trú tại bản T, xã C, huyện S; Mẹ nuôi Chăm Thị Ư hiện trú tại bản M, xã C, huyện M, Sơn La; Bị cáo có vợ là Tòng Thị L (đã chết) và có 02 người con, lớn nhất 11 tuổi, nhỏ nhất 08 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 28 tháng 4 năm 2017 đến nay - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Quàng Văn P2 - Sinh năm 1989; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Bản H, xã C, huyện M, Sơn La; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 3/12; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Quàng Văn H, con bà Vi Thị B; Bị cáo có vợ là Lò Thị N và có 02 người con, lớn nhất 03 tuổi, nhỏ nhất 02 tuổi hiện trú tại bản H, xã C, huyện M, Sơn La; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 28 tháng 4 năm 2017 đến nay - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi liên quan: **Chị Lò Thị N** - Sinh năm 1988
Địa chỉ: bản H, xã C, huyện M, Sơn La - Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 13 giờ 20' ngày 28/4/2017, tổ công tác Công an huyện Sông Mã làm nhiệm vụ tại khu vực bản Cát, xã Mường Hung, Sông Mã phát hiện bắt quả tang Quàng Văn P1 trú tại bản Ni, xã C, huyện M và Quàng Văn P2 trú tại bản H, xã C, huyện M đang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. Thu giữ tại túi áo khoác bên trái của Quàng Văn P1 01 túi nilon màu xanh bên trong có 196 viên nén màu hồng và 02 viên nén màu xanh nghi là Hồng phiến, ngoài ra còn tạm giữ 01 xe máy Biển kiểm soát 26AA- 016.45 và 01 điện thoại di động.

Ngày 29/4/2017 tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã thành lập hội đồng mở niêm phong cân tịnh xác định trọng lượng, trích mẫu giám định. Kết quả 196 viên nén màu hồng và 02 viên nén màu xanh có tổng trọng lượng là 19,36 gam, đã trích 10 viên nén màu hồng có trọng lượng 0,97 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu P1 và 02 viên nén màu xanh có trọng lượng 0,18 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu P2. Vật chứng còn lại 186 viên nén màu hồng có trọng lượng 18,21 gam ký hiệu P.

Tại Kết luận giám định số 471/KLMT ngày 04/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu P1, P2 là chất ma túy; Loại chất Methamphetamin; Trọng lượng mẫu gửi giám định là P1= 0,97 , P2= 0,18 gam; Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 19,36 gam; Loại chất Methamphetamin”.

Quá trình điều tra Quàng Văn P1 và Quàng Văn P2 khai nhận:

Khoảng 08 giờ 30' ngày 28/4/2017 Quàng Văn P1 trú tại bản N, xã C, huyện M, Sơn La rủ Quàng Văn P2 trú tại bản H, xã C, huyện M, Sơn La xuống thị trấn Sông Mã, Sông Mã, Sơn La để mua xe máy (P1 có mang theo số tiền 3.400.000VNĐ), P 2 đã dùng xe máy biển kiểm soát 26AA - 01646 của gia đình chở P1 đi, đến 10 giờ cùng ngày cả hai đến cửa hàng xe máy Khởi Tú tại tổ dân phố 12, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, qua nói chuyện với nhân viên bán hàng thì biết phải có ít nhất 8.000.000VNĐ mới mua xe trả góp được nên P1 rủ P2 xuống xã Chiềng Cang để gặp người bạn tên là L. Khi P1 và P2 đi xuống đến xã Chiềng Cang thuộc khu vực đầu cầu đi xã Mường Hung thì gặp L cùng 01 người thanh niên không biết tên, tuổi, địa chỉ đang đứng ở đó. Tại đây P1 nói với L “ tôi thèm Hồng phiến nhưng không biết mua ở đâu ” L trả lời “ mày thèm tao cũng thèm, để tao dẫn chúng mày đi mua ” sau đó L điều khiển xe mô tô chở người thanh niên đó đi trước dẫn đường, P2 điều khiển xe chở P1 đi theo sau, đi được khoảng 05km P2 có hỏi P1 “ đi đâu mà xa thế ” thì P1 trả lời “ đi mua

ngựa ”, P2 không nói gì và tiếp tục điều khiển xe đi. Khoảng 12 giờ cùng ngày khi đi đến bản người dân tộc Mông, P1 cùng L và người thanh niên đi cùng L vào nhà một người dân tộc Mông không biết tên, tuổi hỏi mua được 200 viên Hồng phiến với giá 3.400.000VNĐ, còn P2 đứng ở ngoài cửa nhà trông xe, một lúc sau P2 đi vào gần cửa ngõ vào trong nhà thì nhìn thấy P1 cùng mọi người đang đếm Hồng phiến. Khi đếm đủ 200 viên, người dân tộc Mông trích ra 02 viên để mọi người cùng sử dụng bằng hình thức hít qua đường hô hấp, khi mọi người đang sử dụng P1 gọi P2 vào trong nhà để cùng sử dụng, P2 thấy vậy đi vào hút một hơi rồi cùng nhau đi về. Khi về P1 cất giấu gói Hồng phiến vào túi áo khoác bên trái đang mặc rồi ngồi sau xe máy để P2 chở về, còn L và người thanh niên đi cùng đi đâu không rõ. Trên đường về P2 có hỏi P1 “ anh mua về để làm gì ” P1 trả lời “ mua về để hút ” P2 nói tiếp “ bố mẹ mà biết thì chết ” rồi tiếp tục điều khiển xe đi. Khi P1 và P2 đi đến khu vực bản Cát, xã Mường Hung thì bị tổ công tác Công an huyện Sông Mã làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng. Quảng Văn P1 cũng khai nhận mục đích mua ma túy là để bản thân sử dụng.

Do có hành vi nêu trên tại Cáo trạng số 80/KSĐT - MT ngày 21 tháng 7 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Quảng Văn P1 và Quảng Văn P2 về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 194 BLHS.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy; Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Quảng Văn P1 từ 42 - 48 tháng tù, xử phạt Quảng Văn P2 từ 30 - 36 tháng tù; Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; Áp dụng khoản 1, 2 Điều 41 BLHS; khoản 2 Điều 76 BLTTHS tịch thu tiêu huỷ số Hồng phiến đã thu; tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc điện thoại; trả lại cho chị Lò Thị N 01 xe máy; tuyên quyền kháng cáo và buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi liên quan.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện

Sông Mã. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện - Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện tội phạm; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 13h30 ngày 28 tháng 4 năm 2017; phù hợp với số vật chứng bị thu giữ là 196 viên nén màu hồng và 02 viên nén màu xanh; phù hợp với kết luận giám định số 471/KLMT ngày 04/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La “ Mẫu gửi giám định ký hiệu P1, P2 là chất ma túy; Loại chất Methamphetamin; Trọng lượng mẫu gửi giám định là P1= 0,97 , P2= 0,18 gam; Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 19,36 gam; Loại chất Methamphetamin ” và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Đối với Quảng Văn P1, ngày 28/4/2017 Quảng Văn P1 rủ Quảng Văn P2 đi xuống thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã để mua xe máy, khi không mua được xe P1 liền nảy sinh ý định tìm mua ma túy và bảo P2 chở P1 đi xuống xã Chiềng Cang, sau đó nhờ hai nam thanh niên không rõ lai lịch đưa lên khu vực xã Mường Hung để mua ma túy, P1 đã mua được của một người đàn ông dân tộc Mông 200 viên Hồng phiến với giá 3.400.000VNĐ; sau khi mua bán xong đã cùng nhau sử dụng hết 02 viên, số Hồng phiến còn lại là 198 viên P1 cất giấu vào trong túi áo khoác mang về để sử dụng dần. Đối với Quảng Văn P2, P2 thừa nhận lúc đầu khi chở P1 đi P2 không biết mục đích của P1 là đi mua ma túy chỉ nghĩ là P1 đi mua ngựa nhưng tại nhà người đàn ông dân tộc Mông, P2 đã nhìn thấy việc trao đổi mua bán ma túy giữa P1 và người đàn ông dân tộc Mông, sau đó trực tiếp sử dụng ma túy cùng P1 và biết P1 cất giấu gói ma túy trong túi áo nhưng vẫn dùng xe máy để chở P1 đi về.

Hành vi tàng trữ 19,36 gam Methamphetamin với mục đích để sử dụng của bị cáo Quảng Văn P1 đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Hành vi khi biết Quảng Văn P1 mua ma túy để sử dụng trái phép nhưng vẫn dùng xe máy của mình để chở P1 cùng số ma túy của bị cáo Quảng Văn P2 đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thống nhất nhận định, đánh giá như sau:

Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, các bị cáo nhận thức được việc tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng đã bất chấp pháp luật cố tình thực hiện tội phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng

đến trật tự trị an ở địa phương, là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, gây bức xúc trong xã hội.

Xét về vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong vụ án này bị cáo Quảng Văn P1 là người có vai trò chính và trực tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo Quảng Văn P2 là đồng phạm với vai trò là người giúp sức, cần áp dụng Điều 53 BLHS đối với bị cáo P2. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải với việc làm của bản thân, áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tại thời điểm các bị cáo phạm tội Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật nhưng tại điểm b, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14 quy định: “ Các điều khoản của Bộ luật hình sự 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích ”.

Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “ Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực thi hành ”.

Căn cứ các quy định nêu trên so sánh quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 thấy:

Khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 quy định về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thì có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm;

Khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 quy định về hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thì có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Như vậy khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 quy định có lợi hơn cho người phạm tội. Cần xem xét áp dụng quy định Nghị quyết số 41/2017/QH14

ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015, khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt theo hướng có lợi cho các bị cáo.

Cần căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; trọng lượng ma túy các bị cáo tàng trữ; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; vai trò của các bị cáo để có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm trừng phạt, cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, răn đe, phòng ngừa và thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy tại địa phương. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy: Đối với Quảng Văn P1 đã tàng trữ số ma túy có trọng lượng 19,36gam, nhưng hiện nay gia đình bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vợ bị cáo mới chết đầu năm 2017, hiện nay có hai con nhỏ phải nhờ người nhà nuôi nên cần xem xét khi lượng hình, cho bị cáo được hưởng một mức hình phạt phù hợp để bị cáo sớm được trở về với gia đình nuôi dạy con cái, thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật. Đối với bị cáo Quảng Văn P2 (là em ruột của bị cáo P1) bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nên cũng cần xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án phù hợp với tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung - Phạt tiền: Cơ quan điều tra đã làm rõ các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên cần miễn cho các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đối với số Hồng phiến cần tịch thu tiêu hủy; Đối với chiếc điện thoại của Quảng Văn P1 là công cụ thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; Đối với chiếc xe máy đã xác định được đó là tài sản chung của gia đình bị cáo Quảng Văn P2, khi bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện tội phạm gia đình đều không biết nên cần trả lại cho vợ bị cáo là chị Lò Thị N quản lý, sử dụng.

Về vấn đề khác liên quan đến vụ án: Đối với người đàn ông dân tộc Mông đã bán ma túy cho P1 và hai người thanh niên đã dẫn P1 và P2 đi mua ma túy tại khu vực xã Mường Hung, quá trình điều tra không xác định được đối tượng cụ thể nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Các bị cáo Quảng Văn P1 và Quảng Văn P2 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội

khóa 14; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Quảng Văn P1 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn thụ hình tính từ ngày bị tạm giữ, giam (ngày 28/4/2017).

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Quảng Văn P2 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn thụ hình tính từ ngày bị tạm giữ, giam (ngày 28/4/2017).

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 76 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy 18,21gam Hồng phiến được đựng trong phong bì do Bưu điện Việt Nam phát hành.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Q EDGY màu trắng, số IMEL 354066070164713 của Quảng Văn P1.

- Trả lại cho chị Lò Thị N, địa chỉ: bản H, xã C, huyện M, Sơn La 01 (một) xe máy nhãn hiệu LIFAN màu mận chín, biển kiểm soát 26AA - 016.46, số máy 000567, số khung 1000567.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/7/2017 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 31/8/2017, người có quyền lợi liên quan Lò Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Người có QLLQ;
- Các bị cáo ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phạm Bá Toàn